TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2025
V/v "Tranh chấp ly hôn, con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hạnh;

Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Quang Thi - Thư ký Tòa án huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Phương T - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 241/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, về "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2025/QĐST-HPT, ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1991 (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Lê Tấn M, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Chỗ ở hiện nay: Tổ D, khu phố K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà H và ông M yêu thương và đi đến cưới nhau vào năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cuộc sống lúc đầu hạnh phúc nhưng đến đầu tháng 6/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm lo lắng cho nhau, không tôn trọng nhau nên bà H và ông M thường xuyên xảy ra cãi vã, bà H và ông M đã ly thân từ đó đến nay. Nay bà H cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông M. Về con chung: Bà H và ông M có 02 người con chung là cháu Lê Bình Minh Q, sinh ngày 24/5/2014 và cháu Lê Bình Minh H1, sinh ngày 15/02/2016. Bà H có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Bình Minh Q và cháu Lê Bình Minh H1. Bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Tấn M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo đến Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông M vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và không ghi nhận được ý kiến của ông M.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo kết quả xác minh tại địa phương, nơi sinh sống của bà H, ông M ghi nhận được nội dung, sau khi kết hôn với nhau bà H và ông M sống chung với nhau tại khu phố N, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đến khoảng tháng 4 năm 2024 ông M và bà H phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên ông M đã chuyển đi nơi khác để sinh sống và bà H, ông M đã sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay 02 người con chung là cháu Q và cháu H1 đang sống chung với bà H.

Theo biên bản ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của con chung thị cháu Lê Bình Minh Q và cháu Lê Bình Minh H1 có nguyện vọng được sống chung với bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng nên làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị H và ông Lê Tấn M có đăng ký kết hôn, nay bà H xin ly hôn nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Hiện bị đơn ông

Lê Tấn M đang cư trú tại thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Đức.

[2] Bà Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Lê Tấn M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà H và ông M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo bà H trình bày thì bà H và ông M yêu thương nhau rồi đi đến cưới nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cuộc sống lúc đầu hạnh phúc nhưng đến đầu tháng 6/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm lo lắng cho nhau, không tôn trọng nhau nên bà H và ông M thường xuyên xảy ra cãi vã và đã ly thân từ đó đến nay. Nay bà Lê Thị H cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Tấn M.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương ngày 09/12/2024 ghi nhận được nội dung sau: Khoảng tháng 4 năm 2024 ông M và bà H phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên ông M đã chuyển đi nơi khác để sinh sống và bà H, ông M đã sống ly thân từ đó đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập các bên đến trụ sở Toà án nhằm để ghi nhận ý kiến và hoà giải, nhưng do ông M vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến và hòa giải hàn gắn được.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương nhận thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, cả hai đều không có tiếng nói chung, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông M.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Bà H và ông M có 02 người con chung là cháu Lê Bình Minh Q, sinh ngày 24/5/2014 và cháu Lê Bình Minh H1, sinh ngày 15/02/2016. Bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Q và cháu H1. Bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu H1 và cháu Q có nguyện vọng được sống chung với bà H.

Căn cứ vào ý kiến, nguyện vọng của nguyên đơn, người có quyền và lợi ích được bảo vệ và nhận thấy bà H có nghề nghiệp và nơi ở ổn định, từ khi ông M, bà H sống ly thân thì cháu H1 và cháu Q sống chung với bà H, các cháu vẫn phát triển ổn định về tâm sinh lý cũng như thể chất và tinh thần. Do đó để tránh sáo trộn môi trường sống và đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi ly hôn nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Q và cháu H1.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Vì bà H tự nguyện không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án không ghi nhận được ý kiến của ông M về việc cấp dưỡng, vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện của bà H là không yêu cầu ông M cấp dưỡng nôi con chung, ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết, không ghi nhận được ý kiến của ông M về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị H được ly hôn với ông Lê Tấn M.

Về con chung: Bà Lê Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Lê Bình Minh Q, sinh ngày 24/5/2014 và cháu Lê Bình Minh H1, sinh ngày 15/02/2016. Ông Lê Tấn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Tấn M được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 luật hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về án phí: Bà Lê Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001031, ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà Lê Thị H đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17 tháng 02 năm 2025) các đương sự được quyền kháng cáo. Do bà H và ông M đều vắng mặt nên thời hạn này được tính từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết có quyền yêu cầu Toà án tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc.

Nơi nhận:
- TA Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Đức;
- THADS huyện Châu Đức;
- UBND thị trấn N;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Tiến